

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung Không đúng thi để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên

Giảng viên thỉnh giảng *

Ngành: Sinh học;

Chuyên ngành: Thủy sinh vật học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Văn Long
- Ngày tháng năm sinh: 14/6/1971; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;
- Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo.
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
- Quê quán: Lạc Điền, Tuy Phước, Bình Định.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 25 Đông Phuoc, Phuoc Long, Nha Trang, Khánh Hòa.
- Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Viện Hải dương học. Số 01 Cầu Đá, Nha Trang, Khánh Hòa.

Điện thoại nhà riêng: 0258.3883332; Điện thoại di động: 0905083332; E-mail: longhdh@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 1993 đến năm 1996: Nghiên cứu viên tại Viện Hải dương học, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia (nay là Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam);

Từ tháng 01/1997 đến tháng 10/1997: Tham gia khóa học nâng cao về Bảo vệ và sử dụng bền vững đại dương tại Cộng hòa Liên bang Đức;

Từ tháng 11/1997 đến năm 1998: Nghiên cứu viên tại Viện Hải dương học, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia (nay là Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam);

Từ năm 1999 đến tháng 01/2001: Học viên cao học, hệ tập trung tại Đại học Aarhus, Đan Mạch;

Từ tháng 02/2002 đến năm 2003: Nghiên cứu viên tại Viện Hải dương học, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia (nay là Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam);

Từ năm 2004 đến năm 2008: Phó Trưởng phòng kiêm Phụ trách phòng Phòng Nguồn lợi thủy sinh, Nghiên cứu viên tại Viện Hải dương học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam);

Năm 2009: Bảo vệ học vị Tiến sĩ chuyên ngành Thủy sinh vật học tại Viện Hải dương học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam);

Từ năm 2010 đến năm 2011: Tiến sĩ, Nghiên cứu viên, Phó Trưởng phòng kiêm Phụ trách phòng Phòng Nguồn lợi thủy sinh, Nghiên cứu viên tại Viện Hải dương học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam);

Từ năm 2012 đến nay: Tiến sĩ, Nghiên cứu viên chính, Trưởng phòng Phòng Nguồn lợi thủy sinh tại Viện Hải dương học, Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam;

Chức vụ hiện nay: Trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng;

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Hải dương học, Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam;

Địa chỉ cơ quan: Số 01 Cầu Đá, Nha Trang, Khánh Hòa;

Điện thoại cơ quan: 0258.3590036

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Viện Hải dương học, Học viện Khoa học và Công nghệ, Đại học Nha Trang, Đại học Đà Lạt, Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Đại học Nha Trang, Đại học Đà Lạt và Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 29 tháng 6 năm 1993, ngành: Sinh học;

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Đà Lạt, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 29 tháng 01 năm 2001, ngành: Khoa học biển;

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Aarhus, Đan Mạch.

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 2 năm 2010, ngành: Sinh học, chuyên ngành: Thủy sinh vật học;

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Đánh giá tính chất đặc trưng khu hệ cá rạn san hô biển Việt Nam;
- Nghiên cứu đặc trưng sinh học, sinh thái và tính liên kết nguồn lợi cá rạn giữa các hệ sinh thái biển tiêu biểu;
- Đánh giá đa dạng sinh học rạn san hô và phân vùng quản lý cho các khu bảo tồn biển và vùng ven biển.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS với vai trò là người hướng dẫn 2;
- Đã hướng dẫn 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS với vai trò là người hướng dẫn duy nhất;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên (số lượng): Chủ nhiệm 11 đề tài, dự án và nhiệm vụ môi trường các cấp, gồm 03 đề tài cấp Bộ (Nafosted, Bộ NN & PTNT, Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam), 02 đề tài cấp tỉnh (Đà Nẵng và Ninh Thuận), 02 nhiệm vụ môi trường cấp tỉnh và 04 dự án. Bên cạnh đó, ứng viên chủ nhiệm 01 đề tài cấp Nhà nước KC.09.41/16-20 đã nghiệm thu cấp cơ sở ngày 25/3/2021, nộp hồ sơ tại Bộ KH & CN ngày 29/4/2021 và đang chờ nghiệm thu cấp Nhà nước (do dịch bệnh nên chưa thực hiện được).
- Đã công bố 66 bài báo KH, trong đó 04 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín SCI và SCIE;
- Đã được cấp (số lượng): 0 bằng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 03, trong đó 02 do các nhà xuất bản có uy tín (NXB. Khoa học và Kỹ thuật và NXB. Nông nghiệp) với vai trò là đồng tác giả;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen công đoàn viên xuất sắc của Ban chấp hành công đoàn Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam năm 2011;
- Giấy khen danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở Viện Hải dương học vào các năm 2009, 2010, 2011, 2014, 2015 và 2016.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Trong quá trình công tác, tôi tự nhận thấy bản thân có thể đáp ứng được các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo gồm:

- Chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;
- Luôn tuân thủ và thực hiện tốt các quy định, hoàn thành đầy đủ khối lượng công việc giảng dạy và hướng dẫn theo đúng quy định và kế hoạch tại các cơ sở đào tạo tham gia;

- Có kỹ năng sư phạm và phẩm chất đạo đức tốt, luôn tự rèn luyện và phát huy truyền thống tôn sư trọng đạo; luôn tự trau dồi kiến thức, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiên cứu và năng lực giảng dạy;

- Tích cực xây dựng các đề xuất và tham gia nghiên cứu, công bố các công trình nghiên cứu khoa học, trao đổi kinh nghiệm và học thuật thông qua các hợp tác quốc tế góp phần vào sự phát triển của cơ quan đang công tác;

- Tham gia xây dựng đề cương một số học phần trong các chương trình đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Đà Lạt (Động vật học – phần Động vật có xương sống); thạc sĩ chuyên ngành Sinh thái học tại Trường Đại học Đà Lạt (Sinh thái học cá) và chuyên ngành Công nghệ sinh học tại Đại học Nha Trang (Đa dạng sinh học, Sinh thái và Biển đổi khí hậu); và trình độ tiến sĩ chuyên ngành Thủy sinh vật học tại Khoa Khoa học và Công nghệ Biển thuộc Học viện Khoa học và Công nghệ (KH & CN), Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam (Động vật không xương sống ở biển);

- Luôn nêu cao tinh thần phối hợp và giúp đỡ đồng nghiệp và sinh viên trong nghiên cứu khoa học và học tập; tham gia hướng dẫn khóa luận, luận văn và luận án cho sinh viên từ bậc đại học đến nghiên cứu sinh; hướng dẫn các cán bộ trẻ nghiên cứu khoa học và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại cơ quan công tác.

Một số kết quả đạt được chủ yếu của ứng viên được tóm tắt như sau:

a) Ứng viên đã công bố 66 bài báo khoa học, trong đó có 04 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (SCI và SCIE) và 62 bài trên các tạp chí/tuyển tập hội nghị khoa học trong và ngoài nước khác. Ứng viên đã tham gia xuất bản 03 đầu sách, trong đó 02 do các nhà xuất bản có uy tín xuất bản (NXB. Khoa học và Kỹ thuật xuất bản năm 2005 và NXB. Nông nghiệp xuất bản năm 2008). Từ sau khi được công nhận tiến sĩ, ứng viên đã xuất bản 45 bài báo trong và ngoài nước, trong đó là tác giả chính của 03 bài trên tạp chí quốc tế có uy tín (SCI và SCIE) và 04 bài trên tạp chí/tuyển tập hội nghị quốc tế cùng với 38 bài trên các tạp chí, tuyển tập hội nghị khoa học trong nước.

b) Ứng viên chủ trì và nghiệm thu thành công 11 đề tài nghiên cứu khoa học, nhiệm vụ môi trường và dự án các cấp, trong đó có 03 đề tài cấp Bộ (Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia - Nafosted, Bộ NN & PTNT và Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam), 02 đề tài cấp tỉnh (Đà Nẵng và Ninh Thuận), 02 nhiệm vụ môi trường tỉnh Khánh Hòa và 04 dự án thực hiện tại Bình Thuận, Bình Định, TP. Hội An, Kiên Giang. Bên cạnh đó, ứng viên là chủ nhiệm 01 đề tài cấp Nhà nước KC.09.41/16-20 đã nghiệm thu cấp cơ sở ngày 25/4/2021 và đang chờ nghiệm thu cấp Nhà nước nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên chưa thực hiện được.

c) Ứng viên có 08 năm tham gia giảng dạy liên tục bậc đại học và sau đại học tại các cơ đào tạo trong nước (Viện Hải dương học nay là Khoa KH & CN Biển thuộc Học viện KH & CN, Đại học Đà Lạt, Đại học Nha Trang và Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng) với số giờ giảng trực tiếp và quy đổi trong 3 niên cuối đủ hoặc vượt so với quy định.

d) Ứng viên là người hướng dẫn 2 của 01 NCS đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ tại Học viện KH & CN và là hướng dẫn duy nhất của 04 HVCH đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ, trong đó 03 HVCH tại Đại học Đà Nẵng và 01 HVCH tại Đại học Đà Lạt.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 08 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 08 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014		1	1		38		83/192,5/135
2	2014-2015		1			37	20	57/84/135
3	2015-2016		1				55	55/99,5/135
4	2016-2017		1	1			10	10/102/135
5	2017-2018				1	37,5	15	52,5/130/135
03 năm học cuối								
6	2018-2019					150	10	160/165/135
7	2019-2020						90	90/135/135
8	2020-2021					120	90	210/255/175

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Đan Mạch năm 2001.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....
- c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:
- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):
- d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Học và làm luận văn Thạc sĩ bằng tiếng Anh ở nước ngoài.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Tường Vi	X			X	Tháng 4/2013 - tháng 11/2017	Học Viện Khoa học và Công nghệ	- Số hiệu: GUST/TS 147 ngày 09/7/2018; - QĐ cấp bằng số: 129/QĐ-HVKHCN ngày 27/2/2018.
2	Nguyễn Thành Huy		X	X		Tháng 02/2012 – tháng 12/2012	Đại học Đà Nẵng	Số hiệu: 0004483 ngày 30/3/2013.
3	Phan Văn Mỹ		X	X		Tháng 01/2013 – tháng 12/2013	Đại học Đà Nẵng	Số hiệu: 0005774 ngày 15/11/2013.
4	Trần Thị Phương Thảo		X	X		Tháng 05/2016 – tháng 12/2016	Đại học Đà Nẵng	Số hiệu: DND.7.0010858 ngày 23/5/2017.
5	Đỗ Thị Cát Tường		X	X		Tháng 01/2017 – tháng 01/2018	Đại học Đà Lạt	- Số hiệu: A 197493 ngày 18/7/2018; - QĐ cấp bằng số: 112/QĐ-DHDL ngày 06/3/2018.

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GD&ĐT (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận tiến sĩ						
1	Sổ tay hướng dẫn giám sát và điều tra đa dạng sinh học	HD	NXB. Giao thông vận tải, 2003. Giấy phép XB số: 131/XB-QLXB của Cục xuất bản ngày 29/1/2003	16	Tham gia	Trang 289-313	
2	Hệ sinh thái rạn san hô biển Việt Nam	CK	NXB. Khoa học và Kỹ thuật, 2005. Giấy phép XB số: 72-2005/CXB/74-39/KHKT của Cục xuất bản ngày 07/11/2005. Nộp lưu chiểu tháng 01/2006	3	Tham gia	Trang 114-127 và 151-159	
3	Giám sát ran san hô biển Việt Nam: 1994-2007	TK	NXB. Nông nghiệp, 2008. Giấy phép XB số: 229-2007/CXB/185-21/NN của Cục xuất bản ngày 17/3/2008. Nộp lưu chiểu Quý III/2008	5	Tham gia	Trang 33-51; 62-70 và 89-97	

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau TS: Không

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT, DA, NVMT)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) /Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận tiến sĩ				
1	ĐT KHCN cấp TP. Đà Nẵng: Nghiên cứu từ Hòn Chảo đến Nam đèo Hải Vân và bán đảo Sơn Trà	CN	Sở KH & CN Đà Nẵng	2004-2006	- Nghiệm thu ngày 03/10/2006; - Xếp loại: Khá.
II	Sau khi được công nhận tiến sĩ				
2	ĐT KHCN cấp tỉnh Ninh Thuận: Giám sát rạn san hô vùng ven bờ Ninh Thuận	CN	Sở KH & CN Ninh Thuận	2006-2011	- Nghiệm thu ngày 06/7/2012; - Xếp loại: Khá.
3	DA Lấy mẫu và phân tích môi trường nhà máy điện Vĩnh Tân 3, tỉnh Bình Thuận	CN	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	2010	- Nghiệm thu ngày 01/6/2017.
4	NVMT tỉnh Khánh Hòa: Định hướng quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học khu vực Nha Phu – Hòn Hèo và Thủy Triều – Bắc Bán đảo Cam Ranh	CN	Sở TN & MT Khánh Hòa	2011-2012	- Nghiệm thu ngày 11/7/2012; - Xếp loại: Khá.
5	ĐT NCCB: Quần xã cá rạn và san hô tạo rạn vùng biển ven bờ phía Nam Việt Nam	CN	106.14-2010.67, Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia (Nafosted)	2010-2014	- Nghiệm thu ngày 12/2/2015; - Xếp loại: Đạt.
6	ĐT KHCN cấp Bộ NN & PTNT: Nghiên cứu thiết lập một số khu duy trì nguồn giống thủy sản (<i>Fisheries refugia</i>) ở Việt Nam	CN	Bộ NN& PTNT	2012-2014	- Nghiệm thu ngày 10/11/2015; - Xếp loại: Đạt.
7	NVMT tỉnh Khánh Hòa: Đánh giá đa dạng sinh học khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang	CN	Sở TN & MT Khánh Hòa	2014-2015	- Nghiệm thu ngày 25/8/2016; - Xếp loại: Khá.
8	DA cấp TP. Hội An: Điều tra và đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng bền vững đối với tài nguyên đa dạng sinh học ở Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm - Hội An	CN	BQL Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm-Hội An	2015-2017	- Nghiệm thu ngày 31/3/2017; - Xếp loại: Đạt.

9	DA CRSD tỉnh Bình Định: Điều tra bổ sung và xác định khu vực đa dạng sinh học vịnh Quy Nhơn	CN	CRSD/BD/3. d.4.1/2016, BQL Dự án CRSD Bình Định	2016-2017	- Nghiệm thu ngày 31/7/2017.
10	ĐT KHCN cấp Viện Hàn lâm KH & CN Việt Nam: Nghiên cứu tính liên kết giữa các hệ sinh thái của một số nguồn lợi cá quan trọng phục vụ khai thác bền vững ở Khu dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm – Hội An	CN	VAST06.02/ 17-18, Viện Hàn lâm KHCN VN	2017-2019	- Nghiệm thu ngày 14/8/2020; - Xếp loại: Xuất sắc.
11	DA cấp tỉnh Kiên Giang: Điều tra, khảo sát hiện trạng đa dạng sinh học và đề xuất điều chỉnh phạm vi, diện tích các phân khu chức năng trong Khu bảo tồn biển Phú Quốc	CN	Sở NN & PTNT Kiên Giang	2018-2019	- Nghiệm thu ngày 24/12/2019; - Xếp loại: Đạt.
12	ĐT KHCN cấp quốc gia thuộc Chương trình KC.09/16-20: Nghiên cứu cơ chế phát tán nguồn giống và tính liên kết quần thể nguồn lợi nâng cao hiệu quả quản lý các khu bảo tồn vùng biển ven bờ từ Quảng Trị đến Kiên Giang	CN	KC.09.41/ 16-20, Bộ KH & CN	2019-2021	- Nghiệm thu cấp cơ sở ngày 25/4/2021; - Xếp loại: Đạt. - Đang chờ nghiệm thu cấp Nhà nước.

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; DA: Dự án; NVMT: Nhiệm vụ môi trường; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận tiến sĩ							
1	Một số kết quả nghiên cứu cá rạn san hô quần đảo An Thới (Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang)	2		Tuyển tập Nghiên cứu Biển//ISSN 1859-2120			7: 84-93	1996

2	Cá rạn san hô ở Côn Đảo	2		Tạp chí Sinh học/ISSN 0866-7160		1	19: 8-15	1997
3	Thành phần loài, nguồn lợi và một số đặc điểm sinh học của quần xã cá rạn san hô ở vùng biển Cù Lao Chàm	2		Tuyển tập báo cáo Khoa học Hội nghị Sinh học biển lần thứ I		5	131-140	1997
4	Nguồn lợi cá rạn san hô xung quanh đảo Cù Lao Cau (tỉnh Bình Thuận)	2	X	Tuyển tập báo cáo Khoa học Hội nghị Sinh học biển lần thứ I		4	141-152	1997
5	The occurrence and distribution of butterflyfishes (Pisces: Chaetodontidae) in the coastal waters of Vietnam	1	X	Proceedings of the Third International Conference on the Marine Biology of the South China/ ISBN 9622094619			143-150	1998
6	Biological parameters of two exploited seahorse species in a Vietnamese fishery	2	X	Proceedings of the Third International Conference on the Marine Biology of the South China/ ISBN 9622094619		19	449-464	1998
7	Nguồn lợi cá rạn san hô vịnh Nha Trang	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		6	2(1): 16-26	2001
8	Species composition, community structure, status and management recommendations	6		Tuyển tập Báo cáo Khoa học Hội nghị khoa học “Biển Đông 2002”			649-690	2004
9	Status of coral reefs in Vietnam	4		In “Status of Coral Reefs in East Asian Seas Region: 2004”. Global Coral Reef Monitoring Network, Ministry of the Environment, Japan			95-112	2004
10	Hiện trạng cảnh quan và nguồn lợi cá rạn san hô khu vực quần đảo Cù Lao Chàm, tỉnh Quảng Nam	6		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097			5(2): 25-38	2005
11	Coral reefs of Vietnam: Recent status and conservation perspectives	4		Proceedings of the 10th International Coral Reef Symposium,		2	1045-1054	2006



				Okinawa, Japan 28 June – 2 July 2004				
12	Conservation of marine biodiversity: a tool for sustainable management in Cu Lao Cham Islands, Quang Nam Province	4	X	Proceedings of the 10th International Coral Reef Symposium, Okinawa, Japan 28 June – 2 July 2004		2	1249-1258	2006
13	National report on coral reefs in Vietnam	3		In “National reports on coral reefs in the coastal waters of the South China Sea” (UNEP, eds.). UNEP/GEF/SCS Technical Publication No. 11		1	93-118	2007
14	Đa dạng sinh học và nguồn lợi sinh vật rạn san hô vùng biển Phú Quốc	6	X	Tuyển tập Báo cáo Hội nghị Quốc gia “Biển Đông-2007”, 12-14/9/2007, Nha Trang			291-306	2008
15	Status of coral reefs in Southeast Asia	11		In “Status of coral reefs of the world: 2008” (Wilkinson C., eds.). Global Coral Reef Monitoring Network and Reef and Rainforest Research Center, Townsville, Australia		39	131-144	2008
16	Status of the marine biodiversity in the Northern Spratly Islands, South China Sea	4	X	Proceedings of the Conference on the Results of the Philippines-Vietnam Joint Oceanographic and Marine Scientific Research Expedition in the South China Sea (JOMSRE-SCS I to IV), 26-29 March 2008, Ha Long City, Vietnam		2	11-20	2008
17	Reef fish stocks of the Northern Spratly Islands: A summary of the findings of	2		Proceedings of the Conference on the Results of the Philippines-Vietnam Joint Oceanographic		3	21-35	2008

	JOMSRE-SCS III and JOMSRE-SCS IV			and Marine Scientific Research Expedition in the South China Sea (JOMSRE-SCS I to IV), 26-29 March 2008, Ha Long City, Vietnam				
18	Distribution and factors influencing on structure of reef fish communities in Nha Trang Bay Marine Protected Area, South-Central Vietnam	2	X	Environmental Biology of Fishes/ISSN 1573-5133. DOI 10.1007/s10641-007-9293-7	SCI (IF: 1,579; Q2)	27	82: 309-324	2008
19	Cá rạn san hô ở vùng biển ven bờ Nam Trung Bộ	1	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		7	9(3): 38-66	2009
20	Phân vùng khu hệ cá rạn san hô biển Việt Nam	1	X	Tuyển tập Hội nghị khoa học toàn quốc về Sinh học biển và phát triển bền vững/ISBN 978-604-913-007-6			104-114	2009
21	Census of lobster seed captured from the central waters of Vietnam for aquaculture growth-out 2005-2008	2	X	In: Spiny lobster aquaculture in the Asia-Pacific region (Williams K.C., ed.). Proceedings of an international symposium held at Nha Trang, Vietnam, 9-10 December 2008. ACIAR Proceedings No. 132 /ISBN 978-192-161-552-8		20	52-58	2009
II	Sau khi được công nhận tiến sĩ							
22	Sự thay đổi của quần xã cá rạn theo các kiểu hình thái rạn san hô	1	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097			10(3): 77-87	2010

23	Hiện trạng, xu thế và dự báo biến động đa dạng sinh học rạn san hô vùng ven bờ từ Đà Nẵng đến Bình Thuận	5	X	Tuyển tập Hội nghị khoa học Kỷ niệm 35 năm Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam 1975-2010. Tiểu ban Khoa học Công nghệ Biển/ISBN 978-604-913-015-1			285-292	2010
24	Exploitation of puerulus settlement for the development of tropical spiny lobster aquaculture in the Indo-West Pacific	4		Journal of Marine Biology Association of India/ISSN 2321-7898		18	52(2): 292-303	2010
25	Regional overview on the 2010 coral bleaching event in Southeast Asia	15		In: <i>Status of Coral Reefs in East Asian Seas Regions: 2010</i> . Ministry of the Environment of Japan		24	9-27	2010
26	Xu thế biến động đa dạng sinh học rạn san hô ở khu bảo tồn biển Phú Quốc	5	X	Tuyển tập Báo cáo Hội nghị Khoa học và Công nghệ biển toàn quốc lần V – Tiểu ban Sinh học và nguồn lợi sinh vật biển			40-45	2011
27	Tình hình khai thác cá nhám/mập ở vùng biển từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận	2	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097			12(4): 243-252	2012
28	Temporal dynamics of coral reef fish communities in Nha Trang Bay Marine Protected Area, South-Central Vietnam	1	X	Environmental Biology of Fishes/ ISSN 1573-5133	SCI(IF: 1,579; Q2)	2	93: 277-293	2012
29	Biến động độ phủ và khả năng thích ứng của quần xã san hô sống ở Khu bảo tồn Biển Núi Chúa	3	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Chuyên đề Hội nghị Khoa học toàn quốc Nghề cá Biển-tháng 12/2013/ISSN 1859-4581			218-223	2013

30	Nguồn lợi cá rạn san hô vùng biển ven bờ Phú Yên	1	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		2	13(1): 31-40	2013
31	Thành phần loài và phân bố của quần xã cá trên vùng triều Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận	2		Kỷ yếu Hội thảo Biển Đông 2012, Nha Trang 12-14/09/2012/ISBN 978-604-913-172-1			46-57	2013
32	Hiện trạng khai thác nguồn lợi thủy sản trong đầm Nha Phu	2	X	Kỷ yếu Hội thảo Biển Đông 2012, Nha Trang 12-14/09/2012/ISBN 978-604-913-172-1		5	76-86	2013
33	Đánh giá nguồn lợi tôm hùm giống vùng biển ven bờ Việt Nam	2	X	Kỷ yếu Hội thảo Biển Đông 2012, Nha Trang 12-14/09/2012/ISBN 978-604-913-172-1			152-163	2013
34	Degradation trend of coral reefs in the coastal waters of Vietnam	2	X	Galaxea, Journal of Coral Reef Studies (Special Issue)/ISSN 1883-3969		1	79-83	2013
35	Tiềm năng phát triển các khu duy trì nguồn giống thủy sản trong vùng biển ven bờ Nam Trung Bộ	2	X	Kỷ yếu Hội nghị Toàn quốc về Sinh học biển và Phát triển bền vững lần thứ 2, Hải Phòng 25-26/11/2014			439-448	2014
36	Hiện trạng và giải pháp sử dụng bền vững nguồn lợi tôm hùm giống ở vùng biển ven bờ bán đảo Sơn Trà	3		Kỷ yếu Hội nghị Toàn quốc về Sinh học biển và Phát triển bền vững lần thứ 2, Hải Phòng 25-26/11/2014			459-466	2014
37	Establishment and management of fisheries refugia in Phu Quoc Marine Protected Area	2	X	Journal of Marine Biological Association of India/ISSN 2321-7898		3	56(1): 41-45	2014
38	Status of coral reefs in the coastal waters of Viet Nam: 2014	2	X	In: <i>Status of coral reefs of East Asian Seas Region: 2014</i> (Tadashi et al, eds.). Ministry of the Environment of Japan			187-216	2014



39	Hệ sinh thái rạn san hô ở vịnh Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa – Tình trạng và giải pháp quản lý	7	X	Tuyển tập Nghiên cứu Biển/ ISSN 1859-2120		20: 121-134	2014
40	Đặc trưng nguồn lợi động vật đáy đầm Đề Gi, tỉnh Bình Định	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		15(4): 382-391	2015
41	Hiện trạng, xu thế và khả năng phục hồi đa dạng sinh học rạn san hô ở vịnh Nha Trang	5		Tuyển tập Nghiên cứu Biển/ ISSN 1859-2120		21(2): 176-187	2015
42	Đặc điểm thành phần loài và phân bố của họ cá Bống trắng (Gobiidae) trong các rạn san hô ở vịnh Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	2		Tuyển tập Nghiên cứu Biển/ ISSN 1859-2120		21(2): 124-135	2015
43	Hiện trạng và biến động quần xã cá rạn san hô ở Khu bảo tồn biển Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.	1	X	Tuyển tập Nghiên cứu Biển/ ISBN 978-604-913-511-8		22: 111-125	2016
44	Slow recovery of coral reef fishes in Nha Trang Bay Marine Protected Area, South-Central Vietnam	1	X	Proceedings of the workshop on “Developing life-supporting marine ecosystems along with the Asia-Pacific coasts – A synthesis of physical and biological data for the science-based management and socio-ecological policy making”, Nha Trang, December 21-22/2015/ISBN 978-5-8044-1589-2		133-143	2016
45	Đặc trưng nguồn lợi động vật đáy các vùng nước đầm miền Trung	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		16(1): 80-88	2016
46	Đặc trưng và biến động nguồn lợi động vật đáy thủy vực	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		16(3): 328-335	2016

	Nha Phu, tỉnh Khánh Hòa						
47	Đặc trưng khai thác động vật đáy có giá trị chủ yếu đầm Thủy Triều, Khánh Hòa	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		16(4): 445-454	2016
48	Nguồn lợi và nguồn giống hải sản trong vịnh Nha Trang	3	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		16(4): 426-436	2016
49	Comparative study on coral reef related fishery resources at the areas of Vietnam representative for the western South China Sea and eastern Gulf of Thailand	2		Proceedings of the 13th International Coral Reef Symposium, Honolulu, Hawaii 19-24 June 2016		506-515	2016
50	Đặc trưng khai thác động vật đáy có giá trị chủ yếu ở thủy vực Nha Phu, Khánh Hòa	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		17(2): 214-221	2017
51	Hiện trạng và biến động diện tích các hệ sinh thái tiêu biểu trong vịnh Nha Trang	2	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		17(4): 469-479	2017
52	Thành phần loài và phân bố của họ cá mào gà (Blenniidae) trong vịnh Nha Trang	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		17(4A): 87-97	2017
53	Đặc điểm sinh sản cá Bống cát <i>Glossogobius giuris</i> (Hamilton, 1822) ở vùng hạ lưu sông Thu Bồn, tỉnh Quảng Nam	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		17(4A): 169-176	2017
54	Thành phần loài, phân bố và mối quan hệ giữa quần xã cá bống với các yếu tố môi trường và sinh cư ở vùng hạ lưu sông Thu Bồn, tỉnh Quảng Nam	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		18(2): 161-165	2018
55	Đa dạng sinh học và đặc điểm quần xã	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/		18(2): 214-221	2018

	sinh vật rạn san hô ở Khu bảo tồn biển Lý Sơn, Quảng Ngãi			ISSN 1859-3097				
56	Đánh giá hiệu quả tại các mô hình doanh nghiệp tham gia quản lý rạn san hô vì mục đích du lịch sinh thái ở vịnh Nha Trang	6		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		18(4A): 73-80		2018
57	Hiện trạng khai thác nguồn lợi thủy sản ở Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm-Hội An	2	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		18(4A): 115-128		2018
58	Một số vấn đề khoa học liên quan quản lý và sử dụng tài nguyên sinh vật hướng đến phát triển kinh tế biển bền vững ở duyên hải Nam Trung Bộ, Việt Nam	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		19(4A): 251-258		2019
59	Bảo tồn các sinh cư ở vùng cửa sông Thu Bồn: Giải pháp quan trọng cho việc duy trì đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản ở khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm-Hội An	2	X	Tuyển tập báo cáo khoa học diễn đàn khoa học toàn quốc 2019: Sinh học biển và phát triển bền vững/ISBN 1859-2120		299-309		2019
60	Spatial and seasonal distribution of recruitment and population connectivity of <i>Lutjanus argentimaculatus</i> among marine habitats in the World Biosphere Reserve of Cu Lao Cham-Hoi An	5	X	Russian Journal of Marine Biology/ISSN 1608-3377. DOI: 10.1134/S1063074020030098	SCIE (IF: 0,480; Q4)	46(3): 188-198		2020
61	Đặc trưng nguồn lợi cá trong các hệ sinh thái ở khu dự trữ sinh quyển thế giới	2	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		20(1): 105-120		2020

	Cù Lao Chàm - Hội An						
62	Cá rạn san hô ở vùng biển ven bờ tỉnh Ninh Thuận	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		20(4A): 125-139	2020
63	Hiện trạng đa dạng sinh học và mật độ cá rạn san hô tại Khu bảo tồn biển Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chuyên đề Nghề cá biển, tháng 11/2020		122-131	2020
64	Reef fish fauna in the coastal waters of Vietnam	2	X	Marine Biodiversity/ISSN 1608-3377. doi.org/10.1007/s12526-020-01131-2	SCI (IF: 1,487; Q2)	50: 100	2020
65	Biến động các sinh cư tiêu biểu ở Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm-Hội An, tỉnh Quảng Nam	2	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		21(2): 187-197	2021
66	Đa dạng loài và hiện trạng một số hệ sinh thái tiêu biểu ở Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, tỉnh Quảng Nam.	3	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Biển/ ISSN 1859-3097		21(2): 199-212	2021

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 03 bài báo khoa học (số TT: 28, 60, 64).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I				Trước khi được công nhận PGS/TS			
1							
II				Sau khi được công nhận PGS/TS			
1							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					

Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/dề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy: Thiếu giờ giảng dạy của 03 niên đầu, cụ thể:

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): năm học 2015-2016/số giờ thiếu: 12,5 giờ, năm học 2016-2017/số giờ thiếu: 57,5 giờ và năm học 2017-2018/số giờ thiếu: 15 giờ;

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): năm học 2015-2016/số giờ thiếu: 35,5 giờ; năm học 2016-2017/số giờ thiếu: 33 giờ và năm học 2017-2018/số giờ thiếu: 5 giờ.

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH/CK2/BSNT:

- + Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiêu:
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS (UV chức danh PGS)
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiêu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiêu:
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiêu:
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:
+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH
Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:
- + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:.....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Long